

**BỘ Y TẾ  
BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1851** /BVK-VTTBYT  
V/v mời báo giá hóa chất và  
vật tư y tế

Hà Nội, ngày **29** tháng **6** năm **2023**

Kính gửi: Các đơn vị sản xuất, kinh doanh hóa chất và vật tư y tế

Bệnh viện K đang có nhu cầu mua sắm vật tư y tế phục vụ cho công tác chuyên môn năm 2023 của Khoa Nội soi thăm dò chức năng (theo danh mục chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm Công văn này).

Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp sinh phẩm chẩn đoán in-vitro, hóa chất và vật tư y tế gửi hồ sơ chào giá (đơn vị có thể gửi hồ sơ chào giá 1 hoặc nhiều mặt hàng theo danh mục đính kèm phụ lục 1) gửi về Phòng Vật tư – Thiết bị y tế - Bệnh viện K (địa chỉ: Số 30, Cầu Bươu, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội) và gửi file excel của báo giá về địa chỉ email: [phongvttbyt.bvk@gmail.com](mailto:phongvttbyt.bvk@gmail.com), để bệnh viện tổng hợp. Thời gian nhận tài liệu trước 17h00 ngày **12/7/2023** (nhận tài liệu trong giờ hành chính) để tổng hợp.

Hồ sơ chào giá bao gồm:

1. Báo giá của hàng hoá cung cấp kèm theo các thông tin liên quan (Phụ lục 2. Mẫu báo giá).
2. Hợp đồng tương tự cung cấp hàng hoá ở các đơn vị đã ký trong thời gian 120 ngày kể từ ngày ký báo giá (nếu có).
3. Catalog, tài liệu kỹ thuật của hàng hoá (bản in hoặc file).

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: Khuất Văn Huy, Phòng vật tư – thiết bị y tế, Bệnh viện K (điện thoại: 0936.260.985).

Trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Trang TTĐT BVK;
- Lưu: VT, VTTBYT (Huy).

**GIÁM ĐỐC**  
**BỆNH VIỆN K**  
**Lê Văn Quảng**

## Phụ lục 2. MẪU BÁO GIÁ

(Gửi kèm Công văn số 1851 /BVK-VTTBYT Ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bệnh viện K)

Kính gửi: Bệnh viện K

....., ngày .... tháng..... năm 2023

Chúng tôi là ....., mã số thuế: ....., email....., số điện thoại có địa chỉ tại ....., Chúng tôi xin gửi tới Quý Bệnh viện bản báo giá các mặt hàng như sau:

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Tên thương mại	Mã, code hàng hóa (REF)	Phân loại TTBVT	Số văn bản hành chính kết quả phân loại	Số đăng ký/ Số công bố/ Số Giấy phép nhập khẩu	Cơ sở sản xuất/ Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá chưa bao gồm VAT( VND)	VAT (%)	Đơn giá đã bao gồm VAT( VND)	Giá niêm yết	Mã HS	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1																			
2																			
.....																			

Hiệu lực của báo giá 90 ngày kể từ ngày báo giá

Tên cán bộ phụ trách khi cần liên hệ:.....

Số điện thoại:.....

Giám đốc đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

### Lưu ý:

- Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.
- Hàng hóa không thuộc qui định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 ghi rõ không áp dụng (KAD).
- Mã HS: Mã hàng hóa (HS-Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành. Mã HS căn cứ theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>).

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo công văn mời báo giá số 1851 /BVK-VTTBYT ngày 29/06/2023 của Bệnh viện K)

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
1	Kẹp cầm máu nóng	+ Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600\text{mm}$ , tối đa $\leq 2400\text{mm}$ + Tương thích đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm hoặc 3.2mm + Độ mở ngàm $\geq 4\text{mm}$	Cái	25
2	Dao cắt hút dưới niêm mạc hình núm, có tưới rửa Dual knife J	+ Đầu dao hình núm đường kính $\geq 0.3\text{mm}$ , có thể kéo dài hoặc thu ngắn lại, loại có kênh tưới rửa, + Tương thích với đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm + Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600\text{mm}$ , tối đa $\leq 2400\text{mm}$ + Chiều dài dao cắt 1.5mm - 2.0mm	Cái	200
3	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện IT Knife 2	+ Điện cực hình tam giác, đầu cách điện, vỏ sắt, + Tương thích với đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm + Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600\text{mm}$ , tối đa $\leq 2400\text{mm}$ , + Chiều dài dao $\geq 4\text{mm}$ , đường kính đầu cuối cách điện $\geq 2\text{mm}$	Cái	48

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
4	Dao cắt hút dưới niêm mạc đầu cách điện IT Knife nano	+ Điện cực hình đĩa, đầu cách điện, vỏ cứng + Tương thích với đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm + chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600$ mm, tối đa $\leq 2400$ mm + Chiều dài dao $\geq 3.5$ mm, đường kính đầu cuối cách điện $\leq 1.7$ mm	Cái	46
5	Clip cầm máu dùng một lần 11mm	- Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600$ mm, tối đa $\leq 2400$ mm. - Đường kính làm việc tối thiểu 2.8mm. - Độ mở tối đa 135 độ	Cái	325
6	Clip cầm máu dùng một lần 16mm	- Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600$ mm, tối đa $\leq 2400$ mm. - Đường kính làm việc tối thiểu 2.8mm. - Độ mở tối đa 135 độ	Cái	325
7	Kẹp cầm máu loại dài	Góc ngoài $\leq 135$ độ. Độ dài của ngàm $\leq 9$ mm	Hộp	2
8	Dụng cụ thắt polydùng một lần	+ Đường kính vòng thắt 15 - 40mm + Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600$ mm, tối đa $\leq 2400$ mm + Tương thích với đường kính kênh dụng cụ: 2.8mm.	Cái	60
9	Kim tiêm cầm máu 23G	+ Chiều dài làm việc $\geq 2300$ mm + Chiều dài kim $\geq 4$ mm + Tương thích với đường kính kênh dụng cụ tối thiểu 2.8mm	Cái	600

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
10	Lọng cắt polyp hình oval, đường kính 10mm	+ Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. + Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600$ mm, tối đa $\leq 2400$ mm. + Đường kính của lọng có độ mở tối đa: 10mm.	Cái	200
11	Lọng cắt polyp hình oval, đường kính 15mm	+ Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. + Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600$ mm, tối đa $\leq 2400$ mm. + Đường kính của lọng có độ mở tối đa: 15mm.	Cái	200
12	Lọng cắt polyp hình oval, đường kính 25mm	+ Đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. + Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600$ mm, tối đa $\leq 2400$ mm. + Đường kính của lọng có độ mở tối đa: 25mm.	Cái	200
13	Bóng nong thực quản tích hợp sẵn dây dẫn đường	+ Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600$ mm, tối đa $\leq 2400$ mm + Dây dẫn đường 0.035 inch + Chiều dài bóng tối thiểu $\geq 40$ mm, tối đa $\leq 70$ mm + Đường kính bóng tối thiểu $\geq 6$ mm, tối đa $\leq 20$ mm + Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm/3.2mm	Cái	25
14	Dây dẫn đặt stent thực quản	- Chất liệu: thép không gỉ - Tip: cuộn lò xo linh hoạt - Độ dài tối thiểu $\geq 250$ cm - Có đánh dấu	Cái	10

*Handwritten signature*

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
15	Đầu gắn ống nội soi dạ dày, dùng trong phương pháp nội soi can thiệp cắt bóc tách dưới niêm mạc (ESD)	+ Chiều dài phần đầu cuối $\leq 4\text{mm}$ , đường kính ngoài $\leq 13\text{mm}$ + Có lỗ bên thoát nước + Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	120
16	Đầu gắn ống nội soi đại tràng, dùng trong phương pháp nội soi can thiệp cắt bóc tách dưới niêm mạc (ESD)	+ Chiều dài phần đầu cuối $\leq 4\text{mm}$ , đường kính ngoài $\leq 15\text{mm}$ + Có lỗ bên thoát nước + Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	150
17	Bóng dùng cho ống nội soi siêu âm	+ Chất liệu: cao su. + Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	300
18	Kim chọc hút siêu âm nội soi FNB	+ Chiều dài làm việc $\geq 1400\text{mm}$ . + Đường kính kim: 19G - 25G + Chiều dài tối đa của kim $\leq 8\text{mm}$ . + Chất liệu Nitinol/Cobalt chromium hoặc tương đương	Cái	20
19	Kim chọc hút siêu âm nội soi FNA	+ Chiều dài làm việc $\geq 1400\text{mm}$ . + Đường kính kim: 19G - 25G + Chiều dài tối đa của kim $\leq 8\text{mm}$ . + Chất liệu Nitinol/Cobalt chromium hoặc tương đương	Cái	10
20	Dụng cụ xịt khoáng cầm máu	+ Catherter dài $\geq 220\text{ cm}$ và được đóng gói sẵn 02 cái. + Thiết kế dạng súng + Tương thích với đường kính kênh cầm máu tối thiểu 2.8mm	Bộ	1

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
21	Van khí nước cho ống nội soi	Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	45
22	Van hút cho ống nội soi	Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	36
23	Van khí nước cho ống soi siêu âm	Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	3
24	Van hút cho ống soi siêu âm	Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	3
25	Van đẩy kênh sinh thiết dây nội soi	Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	100
26	Kìm bấm sinh thiết dạ dày dùng 1 lần	+ Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1600\text{mm}$ , tối đa $\leq 2400\text{mm}$ + Hình Oval hoặc hình tròn + Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm	Cái	300
27	Kìm bấm sinh thiết dạ dày ngàm cá sấu dùng 1 lần	+ Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. + Chiều dài làm việc tối đa $\leq 1600\text{mm}$	Cái	50
28	Kìm bấm sinh thiết dạ dày ngàm Oval hoặc hình tròn dùng 1 lần	- Chiều dài làm việc 160cm 180cm - Tương thích đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm	Cái	100

*Handwritten signature*

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
29	Kìm bấm sinh thiết đại tràng ngàm cá sấu dùng 1 lần	+ Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. + Chiều dài làm việc $\leq 2300\text{mm}$	Cái	70
30	Kìm bấm sinh thiết đại tràng ngàm oval hoặc hình tròn dùng 1 lần	+ Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm. + Chiều dài làm việc $\leq 2300\text{mm}$	Cái	140
31	Kìm bấm sinh thiết đại tràng dùng 1 lần	+ Ngàm hình oval hoặc hình tròn. + Chiều dài làm việc $\leq 2300\text{mm}$ + Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.	Cái	150
32	Kìm bấm sinh thiết dạ dày đường mũi dùng 1 lần, ngàm oval, có kim	+ Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.0mm. + Chiều dài làm việc $\leq 1600\text{mm}$	Cái	100
33	Kìm bấm sinh thiết dạ dày đường mũi dùng 1 lần, ngàm oval, không kim	+ Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu: 2.0mm. + Chiều dài làm việc $\leq 1600\text{mm}$	Cái	100
34	Tấm cách điện cực bệnh nhân	+ Thành phần chính: Acrylic hydrophilic gel, nước + Tương thích với dao mổ điện của Olympus, model ESG-xxx hoặc tương đương	Cái	80
35	Ống dây nối máy bơm rửa nội soi	+ Chất liệu PVC, Chiều dài tối thiểu $\geq 75\text{cm}$ + Tương thích với hệ thống nội soi Olympus CV170, CV190 hoặc tương đương	Cái	10



STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
36	Ngáng miệng nội soi loại dùng một lần sử dụng cho tất cả các ống nội soi đường tiêu hóa và phế quản	Chất liệu: Polypropylene	Cái	500
37	Ngáng miệng có dây đeo, dành cho người lớn, thiết kế có đê lưỡi	Chất liệu: Nhựa y tế, không có latex	Cái	300
38	Ngáng miệng dành cho trẻ em, có dây choàng	Chất liệu: Nhựa y tế, không có latex	Cái	100
39	Que nong cứng đường mật	Được sử dụng để làm giãn lỗ nhú, hẹp đường mật hoặc hẹp tuyến tụy <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thân có vòng cản quang</li> <li>- Catheter cản quang</li> <li>- Đầu Tip <math>\geq 3</math> cm</li> </ul>	Cái	5
40	Clip cầm máu nội soi không chịu cộng hưởng từ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đóng mở được nhiều lần</li> <li>- Xoay 360 độ</li> <li>- Độ mở clip <math>\leq 15</math>mm</li> <li>- Chiều dài catheter <math>\geq 210</math>cm</li> </ul>	Cái	500
41	Dao cắt cơ vòng dùng trong kỹ thuật nội soi mật tụy ngược dòng ERCP (Endoscopic retrograde cholangiopancreatography)	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tương thích với dây dẫn 0.035" và đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm</li> <li>+ Chiều dài làm việc tối đa <math>\leq 1700</math>mm, tối đa <math>\leq 2000</math>mm</li> <li>+ Chiều dài dao 20 - 30mm</li> </ul>	Cái	20

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
42	Dao kim dùng trong kỹ thuật nội soi mật tụy ngược dòng ERCP (Endoscopic retrograde cholangiopancreatography)	+ Tương thích với dây dẫn 0.035" và đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm + Chiều dài làm việc tối đa $\leq 1700\text{mm}$ , tối đa $\leq 2000\text{mm}$ + Đường kính 5Fr -7Fr	Cái	5
43	Dây dẫn hướng dùng trong kỹ thuật nội soi mật tụy ngược dòng ERCP (Endoscopic retrograde cholangiopancreatography)	+ Chiều dài làm việc thiểu $\geq 2600\text{mm}$ , tối đa $\leq 4800\text{mm}$ + Đường kính tối thiểu $\geq 0.025$ inch, tối đa $\leq 0.035$ inch + Chiều dài lọc bọc ưa nước tối thiểu $\geq 5$ cm, tối đa $\leq 10\text{cm}$ + Dạng tip thẳng hoặc cong	Cái	20
44	Bóng kéo sỏi ERCP	+ Bóng kéo sỏi, có 3 kênh: kênh dây dẫn hướng, kênh bơm bóng và kênh bơm dung dịch cản quang + Đường kính bóng khi bơm tối thiểu $\geq 8\text{mm}$ , tối đa $\leq 20\text{mm}$ + Tương thích với kênh làm việc: 2,8mm hoặc 3.2mm + Tương thích dây dẫn hướng 0,035 inch. + Chiều dài làm việc 1900mm - 2000mm	Cái	4
45	Rọ lấy sỏi	+ Tương thích với kênh dụng cụ tối thiểu: 2.8mm hoặc 3.2mm + Chiều dài làm việc 1900mm - 2200mm + Đường kính của rọ: 20 - 30mm. + Thiết kế rọ 4 dây có kênh bơm rửa thuốc cản quang	Cái	5

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
46	Bóng nong thực quản/đường mật tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm	+ Tương thích với dây dẫn 0.035 inch + Chiều dài bóng tối thiểu $\geq 4\text{cm}$ , tối đa $\leq 10\text{cm}$ + Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1800\text{mm}$ , tối đa $\leq 2400\text{mm}$	Cái	3
47	Bóng nong thực quản/đường mật tương thích với kênh làm việc tối thiểu 3.2mm	+ Tương thích với dây dẫn 0.035 inch + Chiều dài bóng tối thiểu $\geq 4\text{cm}$ , tối đa $\leq 10\text{cm}$ + Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1800\text{mm}$ , tối đa $\leq 2400\text{mm}$	Cái	3
48	Dụng cụ bơm bóng	Thể tích xy lanh 60cc, bao gồm một áp kế có mặt hiển thị atm, áp lực tối đa 15atm	Cái	1
49	Ống thông đường mật dùng trong kỹ thuật nội soi mật tụy ngược dòng ERCP (Endoscopic retrograde cholangiopancreatography) tương thích với kênh làm việc tối thiểu 2.8mm	+ Chiều dài làm việc tối thiểu $\geq 1900\text{mm}$ , tối đa $\leq 2100\text{mm}$ + Đường kính đầu tip 4Fr-6Fr + Tương thích với dây dẫn 0.035 inch + Hình dáng đầu tip: hình tròn/hình nón/thuôn nhọn.	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
50	<p>Ống thông đường mật dùng trong kỹ thuật nội soi mật tụy ngược dòng ERCP (Endoscopic retrograde cholangiopancreatography) tương thích với kênh làm việc tối thiểu 3.2mm</p>	<p>+ Chiều dài làm việc tối thiểu <math>\geq 1900\text{mm}</math>, tối đa <math>\leq 2100\text{mm}</math>            + Đường kính đầu tip 4Fr - 6Fr            + Tương thích với dây dẫn 0.035 inch            + Hình dáng đầu tip: hình tròn/hình nón/thuôn nhọn.</p>	Cái	10
51	<p>Bộ dây stent đường mật tương thích với stent cỡ 7Fr - 10Fr</p>	<p>+ Có ống đẩy, đầu chắn bức xạ, catheter và ống đẩy được lắp trước. + Kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm/3.7mm/4.2mm            + Chiều dài làm việc tối thiểu <math>\geq 1900\text{mm}</math>, tối đa <math>\leq 2300\text{mm}</math>.            + Tương thích với dây dẫn 0.035inch            + Tương thích với các loại stent cỡ: 7Fr - 10Fr</p>	Cái	10
52	<p>Bộ dây stent đường mật tương thích với stent cỡ 5Fr - 6Fr</p>	<p>+ Có ống đẩy, đầu chắn bức xạ, catheter và ống đẩy được lắp trước. + Kênh làm việc tối thiểu: 2.8mm/3.7mm/4.2mm            + Chiều dài làm việc tối thiểu <math>\geq 1900\text{mm}</math>, tối đa <math>\leq 2300\text{mm}</math>.            + Tương thích với dây dẫn 0.035inch            + Tương thích với các loại stent cỡ: 5Fr - 6Fr</p>	Cái	10

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu, thông số kỹ thuật hoặc thành phần	Đơn vị tính	Số lượng
53	Stent nhựa đường mật loại thẳng	+ Chiều dài stent tối thiểu $\geq 30\text{mm}$ , tối đa $\leq 180\text{mm}$ . + Kích thước 5Fr-10Fr + Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm/3.2mm	Cái	50
54	Stent nhựa đường mật loại cong hoặc loại đuôi heo đôi (double pigtail)	+ Chiều dài stent tối thiểu $\geq 30\text{mm}$ , tối đa $\leq 180\text{mm}$ . + Kích thước 5Fr-10Fr + Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm/3.2mm	Cái	50
55	Stent nhựa tuyến tụy dạng loại đuôi heo/thẳng	+ Tương thích với đường kính kênh làm việc tối thiểu 2.8mm/3.2mm + Kích thước 7Fr - 10Fr + Chiều dài tối thiểu $\geq 20\text{mm}$ , tối đa $\leq 180\text{mm}$	Cái	20
56	Đầu (nắp) bảo vệ đầu ống soi	+ Đường kính đầu xa tối thiểu $\geq 13\text{ mm}$ (không gắn vào ống nội soi) + Tổng chiều dài tối thiểu $\geq 20\text{ mm}$ (không gắn vào ống nội soi)	Cái	40

*Handwritten signature*

